TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2017
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Bích Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2017, về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐST- HNGĐ ngày 23/8/2017, và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Hà Thị Thu H - Sinh năm: 1985
Trú tại: Đường A, phường B, quận C, Tp. Đà Nẵng - Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Kim T- Sinh năm: 1983.
Trú tại: Tổ 94, phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng – Vắng mặt. .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường F, quận C, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, ông T không lo cho gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện

nay bà và con nhỏ đang sống tại nhà bố mẹ đẻ của bà. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/11/2013. Ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Hà Thị Thu H với nội dung như trên, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải. Tuy nhiên, ông T vẫn cố tình né tránh, không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án không biết được quan điểm của ông T đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về người tham gia tố tụng: Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng ông Nguyễn Kim T không tuân theo triệu tập của Tòa án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên ông phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* của bà Hà Thị Thu H đối với ông Nguyễn Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn, ông Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Kim T theo thủ tục chung, ông T phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

- *Về nội dung vụ án:* Bà và ông T kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường F, quận C, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người không hợp nhau, ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, hiện nay hai người đã sống ly thân từ năm 2015. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà H về tiếp tục sống chung để cùng nhau nuôi dạy con chung và xây

dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải. Tuy nhiên, ông T vẫn cố tình né tránh, không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hòa giải và đã vắng mặt hai lần liên tiếp tại phiên tòa, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông T là thỏa đáng.

[2] Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 01 con chung Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/11/2013. Ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Nhã U và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H thì thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng giáo dục con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển thể chất và tinh thần cho các con. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông vẫn né tránh điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân của mình và không quan tâm đến quyền lợi của con chung. Hiện nay cháu U còn nhỏ và đang ở với mẹ nên xét thấy không nên làm đảo lộn cuộc sống của cháu, cần giao cháu Nguyễn Nhã U cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp. Đồng thời, để đảm bảo cho việc nuôi con của bà H bớt phần khó khăn nên cần xem xét nguyện vọng chính đáng của bà H, buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật Hôn nhân gia đình và đạo đức xã hội.

[3]Về tài sản chung, nợ chung: Do bị đơn không có bản trình bày, nên HĐXX không có cơ sở giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[4] Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hà Thị Thu H và ông Nguyễn Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* của bà Hà Thị Thu H đối với ông Nguyễn Kim T;

Tuyên xử:

[**1] Về hôn nhân**: Bà Hà Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Kim T.

[2] Về con chung: Giao con Nguyễn Nhã U, sinh ngày 15/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

[4] Về án phí:

- *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* 300.000 đồng bà Hà Thị Thu H phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 4298 ngày 11/7/2017, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn,TP Đà Nẵng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Kim T phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận NHS;
- UBND phường An Hải Đông, Q. Sơn Trà;
- VKSND quận NHS;
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan